

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Yến

2. Bà Phạm Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng N – sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: 62/15 đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: A15 đường D, phường D, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Lê Chánh Ng – sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: 62/15 đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28/12/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn ông Phạm Hoàng N trình bày: Ông và bà Lê Chánh Ng tự nguyện kết hôn năm 2005, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình sau này thì chuyển ra sống riêng tại địa chỉ 62/15 đường C, phường M, quận T. Quá trình

chung sống không hạnh phúc, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, có khi còn đánh nhau, bà Ng tạo áp lực cho ông rất nhiều về cả thể chất và tinh thần như ông đang ở trong phòng, bà Ng cúp cầu giao điện làm ông bị ngạt, có khi còn cầm dao chém vào cửa chính, cầm chổi đánh, thường xuyên nguyên rửa ông ra đường bị xe cán chết. Bà Ng cũng không quan tâm đến bố mẹ chồng, không biết ông bà đang ở đâu, sống chết ra sao, vợ chồng đã ly thân được 5 năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 2 con chung là Phạm Lê Ngọc N1 – sinh ngày 14/9/2006 và Phạm Lê Ngọc A – sinh ngày 29/5/2009. Sau khi ly hôn ông giao 2 con chung cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Lương tháng của ông là 20.000.000đ, ông sẽ đảm bảo về chỗ ở cho hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Lê Chánh Ng trình bày: Mâu thuẫn của vợ chồng bà không lớn, mâu thuẫn xuất phát từ việc ông N ít nói, khi nói dễ gây ức chế, như thứ 7 bà nấu cơm, khi nấu cơm xong thì ông N lại không ăn cơm ở nhà bà có hỏi đi đâu thì không trả lời, có trả lời thì nói là đi chơi, đi cờ bạc. Còn việc ông N nói bà dùng chổi đánh, bà thừa nhận có, lý do là một lần về quê thấy có mèo bị bỏ rơi rất dễ thương nên 3 mẹ con mang về nuôi, ba mẹ con rất quý mèo nhưng ông N lại đi cho, bà hỏi lúc thì nói là cho hàng xóm, lúc lại nói là vứt ra ngoài, các con thì khóc rất nhiều nên bà giận đã lấy chổi quét nhà gần đó đánh vào mông ông N. Ông N không nghe lời mọi người trong gia đình mà nghe lời người ngoài, lảng nhãng có tình cảm với cả người giúp việc, bố nói không nghe nên hai bố con còn gây nhau, việc ông N lảng nhãng bà nói nhỏ, quát mắng cũng không thay đổi. Từ tết đến giờ vợ chồng ly thân, ông N về nhà bố mẹ sinh sống, còn trước đó ông N cũng thường xuyên đi công tác có khi đi nửa tháng mới về. Bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với ông N, không muốn con cái tổn thương, bà làm IT hàng tháng được hưởng 80% lương, thu nhập từ 16-17 triệu, phần còn lại phải chờ đến cuối năm khi công ty quyết toán mới biết là có được thêm hay không.

Về con chung: Có 2 con chung là Phạm Lê Ngọc N1 – sinh ngày 14/9/2006 và Phạm Lê Ngọc A – sinh ngày 29/5/2009. Nếu tòa án cho ông N ly hôn thì bà đồng ý nuôi hai con, mức cấp dưỡng cho hai con 10.000.000đ/ tháng mà ông N đưa ra thì chỉ đủ 1/3 chi phí hiện nay bà đang lo cho hai con, chưa kể đến khoản phát sinh như học anh văn tích hợp. Năm 2018 chi phí cho hai con 1 tháng là 30.000.000đ.

Về tài sản chung: Bà và ông N có tài sản chung, bà chưa nghĩ tới việc có tranh chấp hay không.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – ông N trình bày: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, trước lần làm đơn này ông đã làm đơn lên Tòa án rồi, Tòa án động viên nên ông đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó tới nay tình cảm không cải thiện. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không muốn nhìn mặt nhau, từ 5 năm nay đã ly thân, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Ng. Sau khi ly hôn ông giao hai con chung cho bà Ng nuôi, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu 7.000.000đ, ông sẽ đảm bảo về chỗ ở cho hai con, tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn – bà Ng trình bày: Gia đình nào cũng có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng bà không thường xuyên ông N trình bày, bà còn thương yêu chồng, muốn cho các con có gia đình trọn vẹn nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án bác đơn để ông N suy nghĩ lại. Nếu Tòa án cho ông N ly hôn thì bà đồng ý nuôi hai con, mức cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng 14.000.000đ thì bà có thể chấp nhận được. Bà chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nghĩa do bà Ng có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông N thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân

dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông N, Bị đơn – bà Ng có mặt.

[4] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của ông N: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số:182/2005; Quyền số: 01/P13 do UBND phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2005 thì hôn nhân của ông N và bà Ng là hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông N yêu cầu được ly hôn với bà Ng vì quá trình chung sống không hạnh phúc, tình cảm không còn. Bà Ng không đồng ý ly hôn vì thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, bà vẫn còn tình cảm với ông N, muốn con có gia đình trọn vẹn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trình bày của các bên đương sự về mâu thuẫn vợ chồng không thống nhất với nhau, nhưng thực tế thì mâu thuẫn giữa ông N, bà Ng là có, kéo dài đã lâu, trước lần làm đơn này ông N đã làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông N xác định tình cảm không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Xét yêu cầu giao con chung cho bà Ng nuôi dưỡng, hàng tháng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 7.000.000đ của ông N: Căn cứ lời thừa nhận của đôi bên đương sự và bản sao Giấy khai sinh số: 345/2006; Quyền số: 02/P13 do UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2006; Bản sao Giấy khai sinh số: 274/2009; Quyền số: 01/P13 do UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2009 thì cháu Phạm Lê Ngọc N1 – sinh ngày 14/9/2006 và Phạm Lê Ngọc A – sinh ngày 29/5/2009 là con chung của ông N và bà Ng.

Xét thấy, hai cháu Ngọc N1, Ngọc A là cháu gái, đang do bà Ng trực tiếp chăm sóc, để ổn định sinh hoạt, học hành của hai cháu Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Ngọc N1, Ngọc A cho bà Nghĩa tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông N đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con là 7.000.000đ/tháng cho mỗi con, với mức cấp dưỡng này bà Ng cho rằng có thể chấp nhận được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông N có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 7.000.000đ/tháng, thực hiện từ tháng 5/2019 cho đến khi hai cháu lần lượt thành niên.

[6] Về tài sản chung: Ông N trình bày không có, bà Ng cho rằng có tài sản chung nhưng chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này bà Ng có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Ông N, bà Ng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8,9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - ông Phạm Hoàng N.

a. Về hôn nhân: Ông Phạm Hoàng N được ly hôn bà Lê Chánh Ng.

b. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Ngọc N1 – sinh ngày 14/9/2006 và Phạm Lê Ngọc A – sinh ngày 29/5/2009 cho bà Lê Chánh Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hàng tháng ông Phạm Hoàng N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Lê Ngọc N1, Phạm Lê Ngọc A, mỗi cháu 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), thực hiện từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Phạm Lê Ngọc N1, Phạm Lê Ngọc A lần lượt thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung: Ông Phạm Hoàng N trình bày không có. Bà Lê Chánh Ng chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này bà Lê Chánh Ng có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Phạm Hoàng N chịu, được cản trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phạm Hoàng N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037800 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Hoàng N còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Chánh Ng đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Hoàng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Hoàng N, bà Lê Chánh Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Hương